TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

1

Mã nhận dạng 01222

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV217 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08161002	LƯU THÚY	AN	DH08TA			4,9	4	9
2	08112002	NGUYỄN NGỌC THÙY	AN	DH08TY			7,6	7	6
3	09142004	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	DH09DY			4,3	4	3
4	08142007	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	DH08DY			5,2	5	2
5	09142005	LÊ THỊ HẢI	ÂU	DH09DY			6,0	6	0
6	08142008	LÊ THANH	BÌNH	DH08DY			6,1	6	1
7	09112015	TRẦN ĐÌNH	CHÁNH	DH09TY			6,8	6	8
8	09158081	NGUYỄN VĂN	CHÂU	DH09SK			5,7	5	7
9	08161021	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	DH08TA			4,3	4	3
10	08142024	TRƯƠNG THỊ NGỌC	DUNG	DH08DY			7,1	7	1
11	08161036	HOÀNG HỮU	DŨNG	DH08TA			5,3	5	3
12	08142030	VÕ VIỆT	DŨNG	DH08DY			5,2	5	2
13	09142015	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH09DY			7,8	7	8
14	08142032	TRẦN LAN	ĐÀI	DH08DY			6,9	6	9
15	08112051	TRƯƠNG MINH	ĐẢO	DH08TY			6,9	6	9
16	08142033	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	DH08DY			5,7	5	7
17	08142039	NGUYỄN LỆ HƯƠNG	GIANG	DH08DY			6,6	6	6
18	08142043	NGUYỄN HỒNG	HÀ	DH08DY			6,3	6	3

Số bài: 35 ; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 5 năm 2011

TS. Trần Văn Chính

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01222

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV217 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09142025	TRỊNH NGUYÊN	HÀ	DH09DY			5,7	5	7
20	08112072	NGUYỄN LÊ HỒNG	HẠNH	DH08TY			8,3	8	3
21	09142031	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	DH09DY			7,1	7	1
22	08142049	TRẦN THANH	HẬU	DH08DY			6,7	6	7
23	08112078	LÊ THỊ THU	HIỀN	DH08TY			7,6	7	6
24	08161055	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH08TA			5,5	5	5
25	08112082	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH08TY			7,1	7	1
26	08142055	NGUYỄN THỊ THANH	HOA	DH08DY			6,0	6	0
27	07111174	TRẦN PHÚC	HÒA	DH08CN			7,5	7	5
28	09112046	NGÔ QUỐC	HOÀNG	DH09TY			6,8	6	8
29	08112108	ĐẶNG THỊ THU	HƯỜNG	DH08TY			6,2	6	2
30	08142070	NGUYỄN VĂN	KHIÊM	DH08DY			5,3	5	3
31	09161061	LÊ THỊ MỸ	LIÊN	DH09TA			6,1	6	1
32	08142083	ĐỖ THỊ THÙY	LINH	DH08DY			6,6	6	6
33	08112141	NGÔ LÊ PHƯƠNG	LINH	DH08TY			6,3	6	3
34	09161065	NGUYỄN NGỌC	LINH	DH09TA			5,4	5	4
35	08112142	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	DH08TY			6,0	6	0

Số bài: 35 ; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2

Hoàng Thị Nga

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ths. Trần Văn Chính

Cao P. Uyên Trân

Ngày 19 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01225

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV227 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08112004	PHẠM THẾ	AN	DH08TY	1		4,3	4	3
2	08112008	NGUYỄN HÀ	ANH	DH08TY	1		4,4	4	4
3	08112028	LÊ KIM	CHUNG	DH08TY	1		7,1	7	1
4	08112055	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	DH08TY	1		5,1	5	1
5	08142041	PHAN THỊ TY	GÔN	DH08DY	1		7,6	7	6
6	09161036	NGUYỄN TRUNG	HẢI	DH09TA	1		6,4	6	4
7	08112070	HỒ THỊ TUYẾT	HẠNH	DH08TY	1		3,5	3	5
8	08112071	LÊ TRẦN HỒNG	HẠNH	DH08TY	1		5,0	5	0
9	08112100	NGÔ ĐÌNH	HÙNG	DH08TY	1		6,4	6	4
10	08142077	PHAN THỊ THANH	LAN	DH08DY	1		4,2	4	2
11	08112138	NGUYỄN VĂN	LIN	DH08TY	1		7,4	7	4
12	07112308	CHAU SA	MÁT	DH08TY	1		5,4	5	4
13	08112159	PHẠM THỊ DIỄM	MI	DH08TY	1		7,9	7	9
14	08112189	TRẦN DŨNG	NHÂN	DH08TY	1		7,7	7	7
15	08142117	DƯƠNG THỊ	NHI	DH08DY	1		6,5	6	5
16	07111222	TRẦN HOÀNG	OANH	DH08CN	1		4,5	4	5
17	08112202	NGUYỄN THỊ	PHẦN	DH08TY	1		5,6	5	6
18	08112208	HỒ LONG	PHÚC	DH08TY				V	

Số bài: 31 ; Số tờ: 31

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày 19 tháng 5 năm 2011

Ng T Thùy Dương — Trần Văn Chính — CPR cao P. Uyên Trần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01225

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV227 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08112210	VÕ HUỲNH	PHÚC	DH08TY	1		4,6	4	6
20	08112220	HỒ NHƯ	PHƯỢNG	DH08TY	1		5,4	5	4
21	08112225	TRẦN XUÂN	QUẢNG	DH08TY	1		7,2	7	2
22	08112229	PHẠM VƯƠNG	QUỐC	DH08TY	1		5,8	5	8
23	08142155	TRẦN VĂN	TẤN	DH08DY	1		6,8	6	8
24	08142162	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH08DY	1		6,8	6	8
25	08111043	LÊ THỊ	THIÊN	DH08CN	1		7,8	7	8
26	08112284	VÕ VĂN	TÍNH	DH08TY	1		5,6	5	6
27	08142206	ĐỖ THỊ TUYẾT	TRINH	DH08DY	1		3,2	3	2
28	09112193	VÕ HOÀNG	TRUNG	DH09TY	1		4,0	4	0
29	08112317	HỒ MINH	TUẤN	DH08TY	1		5,4	5	4
30	08112321	TRƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	DH08TY					
31	08112333	LÊ QUANG	VIỄN	DH08TY	1		5,1	5	1
32	08142225	PHẠM NGỌC NHƯ	Ý	DH08DY	1		5,9	5	9
33	08142223	LÊ BẢO	YÊN	DH08DY	1		5,2	5	2

Số bài: 31 ; Số tờ: 31

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 5 năm 2011

TS Trần Văn Chính

CN2 Cao P. Uyên Trân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01224

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09112132	NGUYỄN AN	SIN	DH09TY	1		3,4	3	4
2	08161161	KIM	SƠN	DH08TA	1		3,8	3	8
3	08142145	LÊ THỊ THU	SƯƠNG	DH08DY	1		7,2	7	2
4	08161166	NGUYỄN VĂN	TÀI	DH08TA	1		5,7	5	7
~~5~~	~~08142151~~	~~NGUYỄN TRUNG~~	~~TÂM~~	~~DH08DY~~					
6	08161168	VÕ HOÀI	TÂM	DH08TA	1		5,5	5	5
7	08112241	VÕ THANH	TÂM	DH08TY	1		6,4	6	4
8	09112158	HUỲNH XUÂN	THẾ	DH09TY	1		5,2	5	2
9	08112257	ĐỖ THỊ	THOA	DH08TY	1		5,8	5	8
10	09142101	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	DH09DY	1		8,2	8	2
11	08112276	BẠCH NGỌC THỦY	TIÊN	DH08TY	1		3,9	3	9
12	08161209	LÊ XUÂN	TÍN	DH08TA	1		4,8	4	8
13	08142191	NGUYỄN VẠN	TÍN	DH08DY	1		8,5	8	5
14	08142192	HUỲNH TRÍ	TOÀN	DH08DY	1		8,6	8	6
15	08112285	LÊ	TOÀN	DH08TY	1		7,2	7	2
16	08112287	ĐỒNG THỊ THANH	TRANG	DH08TY	1		6,3	6	3
17	08142196	HOÀNG THỊ MINH	TRANG	DH08DY	1		7,1	7	1
18	07142097	PHẠM THỊ BÍCH	TRANG	DH08DY	1		6,4	6	4

Số bài:...29...; Số tờ:...29...

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T. Ngọc Hân

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

TS. Trần Văn Chính

Ngày 19 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01224

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09112185	HỒNG THỊ BÍCH	TRÂM	DH09TY	1		6,7	6	7
20	08161215	PHẠM THỊ THÚY	TRIỀU	DH08TA	1		5,2	5	2
21	09112194	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	DH09TY	1		5,7	5	7
22	08142208	TRẦN LÊ	TRUNG	DH08DY	1		5,2	5	2
23	08161231	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH08TA	1		6,3	6	3
~~24~~	~~08158183~~	~~PHẠM NGỌC~~	~~TÚ~~	~~DH08SK~~					
25	08142211	NGUYỄN BÁ	TUÂN	DH08DY	1		5,8	5	8
26	08112320	NGUYỄN NGỌC	TUYẾT	DH08TY	1		5,5	5	5
27	09142132	TRẦN QUANG	VŨ	DH09DY	1		6,3	6	3
28	08112343	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	DH08TY	1		6,5	6	5
29	09161190	TRẦN MINH	VƯƠNG	DH09TA	1		6,5	6	5
30	08111053	PHAN NHƯ	Ý	DH08CN	1		5,9	5	9
31	08142224	NGUYỄN BÌNH	YÊN	DH08DY	1		4,7	4	7

Số bài: 29 ; Số tờ: 29

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T. Ngọc Hân

Nguyễn Thông Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

TS. Trần Văn Chính

Cao P. U. Trân

Ngày 19 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01223

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08112147	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	DH08TY			3,2	3	2
2	08142093	NGUYỄN HỮU	LONG	DH08DY			7,6	7	6
3	08142094	NGUYỄN THỊ	LONG	DH08DY			7,3	7	3
4	08142095	LÊ THÀNH	LUÂN	DH08DY			4,4	4	4
5	08161113	PHẠM HUY	LỰC	DH08TA			5,6	5	6
6	08142097	NGUYỄN THỊ KIM	LÝ	DH08DY			5,3	5	3
7	09112094	TRẦN NGỌC	MAI	DH09TY			8,2	8	2
8	07112152	LÊ THỊ KIM	MỚI	DH08TY			3,1	3	1
9	09161088	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH09TA			6,0	6	0
10	09112102	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	DH09TY			7,9	7	9
11	08161128	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	DH08TA			3,8	3	8
12	08112177	PHẠM TIẾN	NGỌ	DH08TY			5,6	5	6
13	09161091	TỐNG HOÀNG	NGỌC	DH09TA			2,7	2	7
14	08161132	ĐỖ NGỌC	NGUYÊN	DH08TA			6,3	6	3
15	09112104	ĐỖ THẾ	NGUYÊN	DH09TY			5,0	5	0
16	09161094	LÊ THỊ THU	NGUYỆT	DH09TA			5,2	5	2
17	08112185	TRẦN VĂN	NHÀN	DH08TY			6,0	6	0
18	08112188	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	NHÂN	DH08TY			5,4	5	4

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T Bích Thuỷ

Đỗ Thị Kim Chung

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Văn Chính

Cao P. H. Trân

Ngày 19 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01223

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thống kê ứng dụng trong SH (203208) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 06/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09142073	NGUYỄN VÂN	NHI	DH09DY			4,9	4	9
20	08112209	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH08TY			4,4	4	4
21	09161115	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯỢNG	DH09TA			6,8	6	8
22	08142142	TRƯƠNG THỊ NHƯ	QUỲNH	DH08DY			6,2	6	2
23	08142227	SƠN THỊ SÀ	RÊN	DH08DY			4,7	4	7

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Thủy

Lê Thị Kim Chung

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

TS. Trần Văn Chính

Cao P.U. Trâm

Ngày 14 tháng 5 năm 2011